

## VỀ CHIẾN LƯỢC QUẢN LÝ LĨNH VỰC XÃ HỘI CỦA CÔNG CUỘC CẢI TỐ\*

**C**HIẾN lược quản lý lĩnh vực xã hội của công cuộc cải tổ được xây dựng dựa trên cơ sở thống kê xã hội và điều tra xã hội. Tác giả bài viết quan tâm phân tích những nhân tố xã hội và những nhóm xã hội kìm hãm hoặc thúc đẩy công cuộc cải tổ ở Liên Xô.

Theo số liệu điều tra của Viện Xã hội học thuộc Viện hàn lâm khoa học Liên Xô (1987) thì có 16% số người được hỏi ý kiến cho rằng công cuộc cải tổ đang diễn ra khá thành công 31.4% số người được hỏi ý kiến khẳng định rằng công cuộc cải tổ diễn ra chậm chạp, gặp nhiều khó khăn to lớn; 32,3% số người được hỏi ý kiến cho rằng cải tổ nói chung chưa có biểu hiện gì rõ rệt; số còn lại 20.3% không trả lời hoặc khó trả lời.

Nguyên nhân chủ yếu kìm hãm công cuộc cải tổ là sự duy trì chủ nghĩa hình thức, lười với việc làm không đi đôi với nhau, xu hướng quan liêu hóa các quan hệ xã hội còn nặng nề, 80% số người được hỏi ý kiến cho biết rằng bản thân họ va chạm với những hiện tượng của chủ nghĩa hình thức 57% số người được hỏi ý kiến cho rằng những người có địa vị cao không muốn nhận trách nhiệm giải quyết các vấn đề cấp bách 47% số người được hỏi khẳng định rằng mọi người có địa vị cao tỏ thái độ thờ ơ và thụ động trong cải tổ 42% số người được hỏi nói rằng các cán bộ làm ăn theo lối chủ nghĩa hình thức không hề bị trừng phạt. 34% số người được hỏi ý kiến nhất quyết rằng những người có địa vị cao không đủ trình độ am hiểu cần thiết để tiến hành cải tổ.

Theo nghiên cứu điều tra xã hội học của R.V.Rupkina (1980-1986) số người ủng hộ cải tổ một cách căn bản trong số cán bộ lãnh đạo kinh tế ở các lĩnh vực nông – công nghiệp vùng Antal đã tăng từ 12% đến 39%, nhưng trong năm 1987 lại giảm xuống còn 31%.

Nghiên cứu điều tra xã hội học của G.T.Tôsencô cũng cho biết kết quả tương tự. Năm 1986, hơn ½ số công nhân được hỏi ý kiến cho rằng nếu như họ làm việc nhiều hơn, thì tiền lương của họ sẽ tăng thêm. Nhưng sau đó 1 năm (1987) chỉ có hơn ¼ số công nhân 21% cán bộ lãnh đạo phát biểu ý kiến như vậy. ¼ số công nhân, 1/3 số cán bộ lãnh đạo hoài nghi điều này, số còn lại phủ nhận.

Tỉ lệ những người cho rằng có những biến đổi tích cực trong hoạt động của các cơ quan lãnh đạo và các tổ chức xã hội là 7 đến 14% trong năm 1987, ít hơn 2 lần so với năm 1986.

\* . Đây là bài viết của tác giả T.Daxlapxecaia trong sách: *Không có con đường nào khác*. IU.N. Apha vaxiep chủ biên. Nhà xuất bản khoa học xã hội. Nhà xuất bản Sự thật Hà Nội 1989.

Từ những số liệu nêu trên, viện sĩ T.Daxlapxcaia khẳng định: *đur luận xã hội về mức độ thành công của công cuộc cải tổ không phải là lạc quan và có xu hướng xấu đi.*

Vậy thì có những nhóm xã hội và thái độ của nhóm xã hội đối với công cuộc cải tổ, theo T.Daxlapxcaia phải đứng vững trên lập trường phân tích giai cấp xã hội của chủ nghĩa Mác-lênin, kiên trì định nghĩa của V.I. Lênin về giai cấp. Song như thế cũng có nghĩa là phải vượt bỏ cách nhìn giản đơn hóa cơ cấu giai cấp xã hội Xô viết theo công thức 3 thành phần: 1) Công nhân, 2) Nông dân và 3) Trí thức. Muốn thế phải tái cấu trúc công thức nêu trên, bổ sung thêm các tiêu chuẩn khác của phân tầng xã hội như cơ cấu nghề nghiệp xã hội, cơ cấu giới tính, cơ cấu lứa tuổi.v.v..

Trừ đi những nhóm xã hội mà hiện tại không có ảnh hưởng quyết định đối với công cuộc cải tổ (như công nhân viên chức có trình độ chuyên môn thấp, nhân viên phục vụ cấp dưới, những người về hưu, học sinh v.v...), T.Daxlapxcaia đã kể ra 12 nhóm xã hội đóng vai trò những lực lượng chính của cải tổ và quyết định sự phát triển của công cuộc cải tổ: 1/ Tầng lớp tiên tiến của giai cấp công nhân xét về mặt nghề nghiệp, trình độ chuyên môn và chính trị - xã hội, 2/ Tầng lớp chủ yếu (đông đảo nhất) của giai cấp công nhân có trình độ chuyên môn trung bình và có mức trang bị kỹ thuật cho lao động thông thường, 3/ Tầng lớp công nhân bị suy đồi bởi một thời gian dài thu nhập không do kết quả làm việc và quen trao cho xã hội ít hơn là lấy của xã hội, 4/ Nông dân tập thể, 5/ Trí thức khoa học kỹ thuật (các chuyên gia trong nền kinh tế, các nhà khoa học theo các lĩnh vực khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật; 6/ Những người lãnh đạo kinh tế thuộc lĩnh vực sản xuất vật chất; 7/ Những nhân viên giữ trọng trách trong thương nghiệp và phục vụ sinh hoạt nhân dân; 8/ Những nhà kinh doanh nhỏ xã hội chủ nghĩa; 9/ Trí thức xã hội và nhân văn (những nhà giáo, bác sĩ, nhà báo, nhà văn, họa sĩ, nhà khoa học xã hội và khoa học nhân văn; 10/ Những cán bộ giữ trọng trách trong bộ máy lãnh đạo chính trị, tức là trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước và xã hội; 11/ Những nhà lãnh đạo chính trị của xã hội và 12/ Bọn tội phạm có tổ chức.

T.Daxlapxcaia kết hợp sự phân tích nhóm giai cấp và tầng lớp xã hội nêu trên với sự phân tích nhóm lứa tuổi và nhóm thái độ đối với công cuộc cải tổ.

Có 2 nhóm tuổi thể hiện tính tích cực xã hội cao hơn cả: 1/ Nhóm thanh niên không quá 35 đến 38 tuổi và 2/ Nhóm đứng tuổi không dưới 55 đến 60 tuổi.

Có 8 nhóm thái độ khác nhau với cải tổ: 1/ Những nhà tư tưởng và những người đề xướng công cuộc cải tổ; 2/ Những người ủng hộ cải tổ; 3/ Những đồng minh xã hội của cải tổ; 4/ Những người giả vờ ủng hộ cải tổ; 5/ Những người quan sát cải tổ; 6/ Những người trung lập; 7/ những kẻ bảo thủ và 8/ Những kẻ phản động.

Nếu lập một ma trận, trong đó hàng là các *phân nhóm tầng lớp xã hội* còn cột là các *phân nhóm thái độ đối với cải tổ* và làm phép gộp nhóm đồng minh, thì các tầng lớp xã hội sẽ còn 10 nhóm. Và khi đó sơ đồ ma trận có dạng như sau:

## Về chiến lược....

Các tầng lớp, nhóm xã hội	Thái độ đối với cải tổ							
	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5	Nhóm 6	Nhóm 7	Nhóm 8
1. Công nhân và giai cấp thợ cấp thấp	///	///	///					
2. Các người làm đạo đạo đức và chính trị	///			///			///	
3. Các nhà trí thức văn học và nghệ thuật	///	///		///	///		///	///
4. Các người lính doanh nghiệp		///	///	///				
5. Bộ phận chủ yếu của công nhân và nông dân tập thể		///	///		///	///	///	
6. Trí thức khoa học-kỹ thuật		///		///	///		///	
7. Cán bộ quản lý giữ trọng trách		///		///			///	///
8. Cán bộ giữ trọng trách trong thương nghiệp và dịch vụ					///		///	
9. Tầng lớp công nhân được ưu đãi mặc cách và cận úc					///		///	
10. Bộ phận phạm lý tổ chức							///	///

Dùng ma trận tầng lớp, nhóm xã hội và thái độ đối với cải tổ này, T.Daxlapxcaia đã đánh giá quan điểm của sự lựa chọn định hướng công cuộc cải tổ: 1/ Dân chủ - cách mạng, 2/ Tự do - bảo thủ và 3/ Phản động công khai. Trong ba khả năng định hướng đó, theo T.Daxlapxcaia không thể và không nên để cho con đường thứ ba chiến thắng, vì như thế là quay lại thời kì chủ nghĩa xã hội bị tha hóa theo kiểu chủ nghĩa Stalin.

Trong cuộc đấu tranh giữa hai con đường dân chủ - cách mạng và tự do - bảo thủ, nếu Đảng cộng sản, Nhà nước Xô Viết và nhân dân Liên Xô tích cực và kiên quyết đi theo hệ tư tưởng Lênin thì công cuộc cải tổ sẽ thành công, chủ nghĩa xã hội hiện thực sẽ nâng lên một trình độ cao mới về chất, ngang tầm thời đại cách mạng khoa học - kỹ thuật đủ sức chiến thắng chủ nghĩa tư bản thế giới thi đua về kinh tế và lối sống.

Chiến lược quản lý lĩnh vực xã hội của công cuộc cải tổ thực chất là chiến lược con người của chủ nghĩa xã hội hiện thực. Nếu tất cả vì con người để cho con người nhân danh con người, và con người đó chính là con người mới xã hội chủ nghĩa thì nhất định nó là biểu hiện của chủ nghĩa nhân đạo tốt đẹp và cao cả nhất ngày nay.

T.H